TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 176/2024/DS-PT
Ngày 29/7/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự về đặt cọc mua bán lúa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Lâm Sơn

Các Thẩm phán: Ông Trần Bình Đảo

Bà Đặng Thị Bích Vân.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thùy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 29 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2024/TLPT-DS ngày 07 tháng 5 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự về đặt cọc mua bán lúa*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2024/DS-ST ngày 30, 31 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 177/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Huỳnh A, sinh năm: 1988; (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Trần Thanh K, sinh năm: 1989; địa chỉ: ấp B, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang - theo văn bản ủy quyền ngày 05/5/2023 (có mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L là luật sư của Văn phòng luật sư Nguyễn Văn L thuộc đoàn luật sư tỉnh K.

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc M, sinh năm: 1980; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Trần Minh H, sinh năm: 1983; địa chỉ: 1 N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang - theo văn bản ủy quyền ngày 28/12/2023 (có mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Hoàng K1 là luật sư của Văn phòng luật sư Phạm Hoàng K1 thuộc đoàn luật sư tỉnh K (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trương Văn P, sinh năm: 1986; (vắng mặt không lý do).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Người kháng cáo: Anh Trần Thanh K - Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và anh Nguyễn Ngọc M - bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/8/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh Nguyễn Huỳnh A trình bày:

Giữa anh và anh Nguyễn Ngọc M (làm nghề cò lúa) có mối quan hệ quen biết. Vào tháng 6/2022 anh có nhu cầu thu mua lúa tươi cho công ty H1 nên anh M giới thiệu giống lúa OM18 ở những khu vực kênh N, Đập Đ, S, chợ T1 thuộc huyện T, tỉnh Kiên Giang. Sau đó, anh cùng với anh Trương Văn P và anh M đi xem lúa ở các khu vực trên. Hai bên chốt ngày thu hoạch đến ngày 12/6/2022 anh và anh M ký hợp đồng với nhau. Theo hợp đồng anh M bán cho anh 2.500 tấn lúa tươi OM18 với giá thỏa thuận 5.900 đồng/kg lúa (giá cố định). Thời gian nhận lúa theo hợp đồng từ ngày 25/5/2022 (al) đến ngày 15/6/2022 (al) tính ra ngày dương lịch từ ngày 23/6/2022 (dl) đến 13/7/2022 (dl). Địa điểm giao lúa là các khu vực kênh nêu trên.

Theo hợp đồng anh đã đặt cọc tiền cho anh M ba lần: Lần 1 ngày 12/6/2022 giao số tiền 550.000.000 đồng; lần 2 ngày 16/6/2022 giao số tiền 150.000.000 đồng; lần 3 ngày 22/6/2022 giao số tiền 50.000.000 đồng. Tổng số tiền cọc anh giao cho anh M là 750.000.000 đồng (bảy trăm năm mươi triệu đồng) khi giao tiền hai bên đều làm biên nhận. Đến ngày 23/6/2022 theo thỏa thuận trong hợp đồng, anh và anh P liên hệ nhận lúa thì anh M cho rằng do lúa ở các kênh hợp đồng chín sớm cho nên chủ ruộng đã thu hoạch trước không có lúa giao. Anh M hứa sắp xếp tìm lúa ở địa điểm khác giao cho anh đủ số lượng theo hợp đồng. Như vậy, việc giao nhận lúa đã trễ hạn theo hợp đồng, anh M chỉ giao cho anh được 1.504 tấn lúa, không đủ số lượng lúa 2.500 tấn. Quá trình nhận lúa anh M giao cho anh ở các địa điểm khác, giá lúa có tăng lên 6.000 đồng/kg, anh phải bù giá 100 đồng/kg. Tổng số tiền bù giá 100 đồng/kg/213 tấn lúa = 21.000.000 đồng. Sau đó, anh M có kêu anh đến cân số lúa còn lại ở các địa điểm huyện G, T và các kênh ở T nhưng các khu vực này do công ty L1 bao tiêu cho nên không vào cân được. Nhiều lần anh yêu cầu anh M trừ tiền cọc nhưng anh M chỉ hoàn trả cho anh được 200.000.000 đồng tiền cọc, số tiền cọc còn lại 550.000.000 đồng

thì không trả. Anh thấy rằng anh M đã vi phạm hợp đồng, giao lúa không đủ số lượng, không đúng địa điểm, không hoàn trả tiền cọc và gây thiệt hại cho anh.

Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Ngọc M trả cho anh số tiền cọc 550.000.000 đồng, tiền phạt cọc theo hợp đồng ký kết là 550.000.000 đồng, tiền bù giá 21.000.000 đồng. Tổng cộng buộc anh M trả cho anh số tiền 1.121.000.000 đồng (một tỷ một trăm hai mươi mốt triệu đồng). Ngoài ra, buộc anh M trả cho anh tiền lãi suất chậm trả 10% tính từ ngày 14/7/2022 cho đến ngày giải quyết xong vụ kiện 18,5 tháng với số tiền: 172.200.000 đồng.

* Tại bản tự khai anh Nguyễn Ngọc M trình bày và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn tại phiên tòa: Anh M thừa nhận làm nghề cò lúa và anh Nguyễn Huỳnh A có ký hợp đồng mua lúa với anh, anh M đi bỏ cọc mua lúa cho anh Huỳnh A ở nhiều địa bàn khác nhau. Hai bên có làm hợp đồng mua lúa và anh Huỳnh A có giao cho anh số tiền đi bỏ cọc 750.000.000 đồng, sau đó anh có giao cho anh Huỳnh A khoảng hơn 1.458 tấn lúa. Anh xác định lúc ban đầu có sai hợp đồng như về thời gian, địa điểm giao lúa. Sau đó, anh có thỏa thuận với anh Huỳnh A tìm địa bàn khác thu mua giao cho anh Huỳnh A, đến khi có lúa thì anh Huỳnh A lại không cân nữa. Anh có đi gom tiền cọc và gửi lại cho anh Huỳnh A số tiền 200.000.000 đồng, số còn lại 550.000.000 đồng anh đã đem bỏ cọc, do Huỳnh A không tới cân lúa cho nên xác định mất cọc, việc anh Huỳnh A yêu cầu anh trả 1.121.000.000 đồng anh không đồng ý vì số tiền cọc bỏ cho chủ ruộng không cân nên họ phải bán cho người khác với giá rẻ nên Huỳnh A phải chịu mất cọc, còn khoản tiền phạt cọc là không có vì Huỳnh A đã vi phạm hợp đồng. Đối với số tiền 21.000.000 đồng anh Huỳnh A cho rằng bù giá là không đúng, do anh Huỳnh A không cân lúa nên không có việc bù giá này. Mặt khác, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng khoản tiền anh Huỳnh A yêu cầu anh M phải trả 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng) không phải là tiền đặt cọc mà nó là khoản tiền phí huê hồng anh M được hưởng sau khi anh M đã thực hiện xong nghĩa vụ đối với anh Huỳnh A. Yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Huỳnh A.

* ***Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2024/DS-ST ngày 30, 31 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:***

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Huỳnh A đối với anh Nguyễn Ngọc M.

2. Buộc anh Nguyễn Ngọc M phải trả cho anh Nguyễn Huỳnh A số tiền cọc 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng); tiền bù giá 21.000.000 đồng (hai mươi mốt triệu đồng); tiền phạt cọc 275.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng). Tổng cộng 846.000.000 đồng (tám trăm bốn mươi sáu triệu đồng).

3. Không chấp nhận một phần tiền phạt cọc 275.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi 172.200.000 đồng (một trăm bảy mươi hai triệu hai trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

Đơn kháng cáo ngày 05/02/2024 của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Huỳnh A đề nghị Tòa án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số 22/2023/DS-PT ngày 31/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Huỳnh A. Buộc anh M phải trả cho anh Huỳnh A các khoản: tiền đặt cọc 550.000.000 đồng, phạt cọc 550.000.000 đồng, tiền bù giá 21.000.000 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền kể từ ngày 14/7/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 10%/năm là 172.200.000 đồng. Tổng cộng là: 1.293.200.000 đồng.

Đơn kháng cáo ngày 05/02/2024 của bị đơn anh Nguyễn Ngọc M đề nghị Tòa án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số 22/2023/DS-PT ngày 31/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang và không chấp nhận nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Nguyên đơn: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

Bị đơn: Vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không đồng ý nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tranh luận cho rằng: bản chất vụ kiện này là tranh chấp hợp đồng mua bán lúa giữa anh Huỳnh A với anh M. Anh M đã thừa nhận là đến thời điểm giao lúa thì không có lúa giao. Đối với số lúa 1.504 tấn là do anh Huỳnh A tự mua và trả tiền trực tiếp cho dân không được trừ vào số tiền cọc đưa anh M, mà anh M đã chiếm đoạt không có đặt cọc trong dân. Theo hợp đồng anh M đã vi phạm thì phải chịu phạt cọc, việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận định lỗi để chia tiền phạt cọc là pháp luật không quy định. Anh M không có chứng cứ chứng minh đã đặt cọc tiền mua trong dân mà chỉ thông qua lời khai của anh T là cò trung gian, nên anh Huỳnh A phải mua lúa với giá cao hơn hợp đồng, vì vậy anh M phải bồi thường tiền bù giá. Việc anh M chậm trả tiền thì phải chịu tiền lãi theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo của anh Huỳnh A.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn tranh luận cho rằng: Theo hồ sơ số lúa 1.504 tấn có liên quan đến hợp đồng mua bán lúa thỏa thuận giữa các bên. Đối với hợp đồng song vụ, sau khi kết thúc thời hạn, các bên thỏa

thuận thêm thời gian mới, nên anh M mới giao được 1.504 tấn lúa cho anh Huỳnh A. Nếu cho rằng anh M không đi đặt cọc mua lúa trong dân là điều vô lý, vì số lượng mua lúa rất lớn và anh T cũng thừa nhận anh M có đặt cọc mua lúa tiền mua lúa cho ông để ông đi đặt cọc trong dân, do giá lúa giảm, nên ông Huỳnh A đã cho ghe quay đầu không nhận lúa với lý do là công ty L1 đã bao tiêu lúa của người dân là vô lý. Anh Huỳnh A đã vi phạm hợp đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ; ý kiến của nguyên đơn, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn; ý kiến của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh P không có đơn kháng cáo, vắng mặt nhiều lần không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét nội dung kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Huỳnh A, Hội đồng xét xử xét việc các bên lập hợp đồng mua lúa ngày 22/6/2022, anh M thỏa thuận bán lúa tươi cho anh Huỳnh A số lượng 2.500 tấn, giá 5.9000 đồng/kg, lúa bao chín, thời gian giao lúa từ ngày 25/5 (âm lịch) đến 15/6 (âm lịch). Anh Huỳnh A đặt cọc số tiền 750.000.000 đồng. Nếu bên mua không thực hiện hợp đồng thì mất cọc, còn bên bán không thực hiện thì sẽ bồi thường gấp hai lần.

Quá trình thực hiện hợp đồng anh M có lời khai thừa nhận về thời hạn và địa điểm giao lúa giữa tôi với anh Huỳnh A là sai theo như hợp đồng lúc đầu đã ký kết vì giá lúa lên chủ ruộng bán cho người khác nên không cân được và giữa hai bên thương lượng lại với nhau để giao lúa cho ông Huỳnh A nhận tiếp (bút lục 64). Sau đó, giữa các bên đã có thực hiện việc giao và cân lúa được 1.504 tấn lúa thì các bên

tranh chấp về địa điểm cân lúa và cho rằng giá lúa lên nên phát sinh tranh chấp. Đây là tranh chấp hợp đồng đặt cọc để đảm bảo thực hiện hợp đồng, theo lời trình bày của các bên thì cả hai bên đều thực hiện giao nhận được 1.504 tấn lúa, sau đó phát sinh tranh chấp anh Huỳnh A đơn phương chấm dứt việc thực hiện hợp đồng cho rằng bên anh M có lỗi thay đổi địa điểm cân lúa nên không đưa ghe vào cân được, còn bên anh M cho rằng do bên anh Huỳnh A không vào cân lúa nên số tiền đặt cọc bị người dân lấy hết. Lời khai của cả hai bên đều không đưa ra được bằng chứng pháp lý chứng minh nên không có cơ sở khách quan để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Việc anh Huỳnh A đơn phương chấm dứt việc thực hiện hợp đồng, Tòa án cấp sơ thẩm xác định cả hai bên cùng có lỗi nên phải tự gánh chịu hậu quả thiệt hại là công bằng phù hợp pháp luật, tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm lại chia hai số tiền phạt cọc là không phù hợp khoản 2 Điều 328 Bộ luật dân sự 2015 quy định về đặt cọc. Do hợp đồng mua bán lúa các bên đã thực hiện được một phần nên cũng không phạt cọc và mất cọc theo thỏa thuận và do đây không phải là tranh chấp nợ vay hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ nên không thể tính lãi của số tiền anh Huỳnh A đặt cọc cho anh M, nên không có cơ sở pháp lý chấp nhận nội dung kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Huỳnh A.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn anh M, Hội đồng xét xử xét về việc các bên thỏa thuận đặt cọc để thực hiện hợp đồng mua lúa, anh M thừa nhận là sai về địa điểm và thời hạn giao lúa (bút lục 64) nhưng sau đó anh Huỳnh A cũng trình bày là chấp nhận việc gia hạn thời gian cho anh M và anh M đã giao được 1.504 tấn lúa cho anh Huỳnh A (bút lục 63), tuy nhiên, sau đó anh M thông báo thời gian giao lúa trễ so với hợp đồng thỏa thuận giữa các bên, công ty hợp đồng mua bán lúa với anh Huỳnh A không đồng ý nhận lúa tiếp tục dẫn đến anh Huỳnh A không nhận lúa của anh M và phát sinh tranh chấp, theo nhận định nêu trên cả hai bên cùng có lỗi, căn cứ khoản 2 Điều 328 Bộ luật dân sự 2015 quy định:“ *Trường hợp hợp đồng được giao kết, thực hiện thì tài sản đặt cọc được trả lại cho bên đặt cọc hoặt được trừ để thực hiện nghĩa vụ trả tiền,...*”, do đó, đối với số tiền anh M nhận đặt cọc không trừ vào số tiền giao 1.504 tấn lúa thì anh M có nghĩa vụ hoàn trả lại tiền cọc đã nhận, Anh M1 đã nhận tiền cọc 750.000.000 đồng, khi phát sinh tranh chấp đã trả lại cho anh Huỳnh A 200.000.000 đồng, nên anh M1 còn phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho anh Huỳnh A số tiền 550.000.000 đồng. Do hợp đồng mua bán đã được thực hiện một phần, việc anh Huỳnh A không tiếp tục nhận lúa cũng có lỗi của anh M1 nên không chấp nhận việc mất cọc theo yêu cầu của anh M1. Đối với số tiền trượt giá lúa phía anh M1 cũng thừa nhận phù hợp với lời khai của anh T là người làm ăn chung với anh M1 về số tiền trượt giá lúa 21.000.000 đồng là có thật,

trường hợp anh M1 trả tiền cho Huỳnh A thì tôi sẽ chịu trách nhiệm trả lại cho anh M1 để anhh M1 trả cho Huỳnh A (bút lục 62), do đó, về phần nội dung kháng cáo của anh M1 có cơ sở pháp lý chấp nhận một phần theo đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát.

Do bản án sơ thẩm bị sửa, căn cứ khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại nghĩa vụ chịu án phí như sau:

Anh Huỳnh A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch của số tiền không được chấp nhận: 550.000.000 đồng + 172.200.000 đồng = 722.200.000 đồng là:

20.000.000 đồng + (4% x 322.200.000 đồng) = 32.888.000 đồng.

Anh M1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch của số tiền có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Huỳnh A là: 550.000.000 đồng + 21.000.000 đồng = 571.000.000 đồng là:

20.000.000 đồng + (4% x 171.000.000 đồng) = 26.840.000 đồng.

Từ cơ sở nhận định nêu trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất không chấp nhận nội dung kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Huỳnh A và quan điểm bào chữa của Luật sư L, chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của anh M1 và quan điểm tranh luận của Luật sư K1, chấp nhận một phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, sửa bản án dân sự sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm, anh Huỳnh A phải chịu án phí 300.000 đồng do nội dung kháng cáo không được chấp nhận. Anh M1 không phải chịu nộp án phí do nội dung kháng cáo được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Huỳnh A.

Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của anh Nguyễn Ngọc M.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2024/DS-ST ngày 30,31 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Áp dụng Điều 328, 357, Điều 430, 434, 440 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Huỳnh A đối với anh Nguyễn Ngọc M.

2. Buộc anh Nguyễn Ngọc M có nghĩa vụ phải trả cho anh Nguyễn Huỳnh A số tiền cọc 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng); tiền bù giá 21.000.000 đồng (hai mươi mốt triệu đồng); Tổng cộng: 571.000.000 đồng (năm trăm bảy mươi mốt triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Không chấp nhận tiền phạt cọc 550.000.000 đồng và tiền lãi 172.200.000 đồng.

4. Về án phí dân sự:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Huỳnh A phải chịu nộp án phí giá ngạch số tiền: 32.888.000 đồng (ba mươi hai triệu tám trăm tám mươi tám ngàn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 22.815.000 đồng theo biên lai thu số 0008122 cùng ngày 17/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, anh Huỳnh A còn nộp tiếp số tiền: 10.073.000 đồng.

Anh M phải chịu nộp án phí giá ngạch số tiền: 26.840.000 đồng (hai mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi ngàn đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Huỳnh A phải chịu nộp tiền án phí phúc thẩm 300.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm do anh Trần Thanh K là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0005758 ngày 29/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Anh M không phải chịu nộp tiền án phí phúc thẩm, hoàn trả cho anh M tiền tạm ứng án phí phúc thẩm do anh M đã nộp theo biên lai thu số 0005698 ngày 19/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện Giồng Riềng;
- CCTHADS huyện Giồng Riềng;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Lâm Sơn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán **Thẩm phán** **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Vũ Thế Mạnh **Nguyễn Thị N** **Lê Lâm S**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện An Minh;
- CCTHA dân sự huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Lâm Sơn